

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 11 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Ấp Cầu Ván, xã Q, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976.

Cư trú tại: Ấp Bà Hính, xã Q, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2019 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường cự cãi, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp. Hiện bà và ông T đã ly thân khoảng hơn 3 năm nay

và mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T .

Về nuôi con chung: Có 2 con chung tên Trần Thanh H , sinh ngày 06/10/2012 và Trần Đình Đ sinh ngày 21/6/2003, hiện các cháu đang ở cùng ông T . Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cháu Đình Đ , giao cháu Thanh H cho ông T nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn T* : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định pháp luật, nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Ông Trần Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vào ngày 05/11/2019 bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T .

[2] *Về hôn nhân*: Bà và ông T kết hôn vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 21/4/2017 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn với ông T do các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường cự cãi, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông T . Đối với ông T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông T để tham gia hòa giải nhưng ông vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T . Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân hơn 03 năm nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông T .

[3] *Về con chung*: Tên Trần Thanh H , sinh ngày 06/10/2012 và Trần Đình Đ sinh ngày 21/6/2003, hiện các cháu đang ở cùng ông Thêm. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cháu Đình Đ , giao cháu Thanh H cho ông Thêm nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” viện dẫn từ điều luật trên, theo biên bản ghi ý kiến của cháu Đ và cháu H

vào ngày 07/10/2019 cháu Đ và cháu H đều có nguyện vọng ở với ông T . Do đó, cần giao cháu Đ và cháu H cho ông Thêm nuôi dưỡng. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông T chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: Bà T xác định không có

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T .

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Trần Văn T .

2. Về nuôi con chung: Giao Trần Thanh H , sinh ngày 06/10/2012 và Trần Đình Đ sinh ngày 21/6/2003 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bà Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông T chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009878 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T , ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam